

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 471/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-12-2021

V/v: Ly hôn giữa
chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần
Công T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Quang Chung

2. Bà Vương Thị Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Quang Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 360/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2021 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01-12-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Quỳnh N, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số nhà 19/166 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Trần Công T, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số nhà 14/428 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa chị N, anh T có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ghi ngày 17-8-2021, bản tự khai ngày 08-10-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Quỳnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Công T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N vào ngày 20-02-2001. Sau khi

kết hôn vợ chồng chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống chung nảy sinh nhiều bất đồng, hai bên không hòa hợp về quan điểm, tính cách nên hay xảy ra xung đột. Anh T thiếu trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc vợ con, không đưa tiền cho chị trang trải cuộc sống gia đình. Chị đã nói chuyện, khuyên nhủ mong anh T thay đổi nhưng không có kết quả dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Chị đã mang con chuyển đi nơi khác sinh sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Công T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Công H, sinh ngày 27-11-2001 và Trần Thu T, sinh ngày 18-12-2005. Cháu H đã trưởng thành nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu T hiện đang ở cùng với chị nên chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu T. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Trần Công T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án làm bản tự khai và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tại phiên tòa hôm nay anh T có mặt và có quan điểm trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và quá trình chung sống của vợ chồng anh nhất trí với nội dung mà chị N đã trình bày. Về mâu thuẫn của vợ chồng theo anh T chủ yếu là do vấn đề kinh tế, vợ chồng không hiểu nhau. Chị N yêu cầu anh đóng góp kinh tế để chi tiêu trong gia đình nhưng bản thân anh chưa thực hiện đến nơi đến chốn vì công việc của anh gặp khó khăn, chưa ổn định; vì vậy vợ chồng xảy ra va chạm. Trước tết năm 2020 chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, anh có gọi điện thoại hỏi thăm và bảo chị N về nói chuyện nhưng chị N không về nên mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn. Nay chị N có đơn xin ly hôn, bản thân anh không muốn ly hôn nhưng nếu chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị N trình bày. Anh chấp nhận với quan điểm của chị N về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng có 01 kiot tại số 77 Nguyễn Chánh, Chợ Rồng, thành phố Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng đã mua kiot này để bán hàng, hiện đang mang tên của chị N, do chị N kinh doanh tại đó. Anh xác định để vợ chồng thỏa thuận, nếu sau này hai bên không thỏa thuận được thì anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13-10-2021 cháu Trần Thu Trang trình bày nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

4. Tại biên bản xác minh ngày 19-10-2021 chính quyền địa phương nơi chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần Công T cư trú xác nhận: Anh T cư trú tại số nhà 14/428 đường T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định. Anh T có vợ là chị Nguyễn Quỳnh N. Vợ chồng có hai con chung là Trần Công H, sinh năm 2001 và Trần Thu T, sinh năm 2005. Chị N không có hộ khẩu tại địa chỉ trên. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng không báo tố dân phố hòa giải. Chị N đã đưa con chuyển đi nơi khác sinh sống.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần Công T đã trầm trọng, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử lý hôn giữa chị N và anh T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trần Thu T, sinh ngày 18-12-2005 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu H đã đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần Công T không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần Công T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thi, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định năm 2001 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần Công T phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do cuộc sống chung nảy sinh nhiều bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Theo chị N trình bày thì anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 và mỗi người ở một nơi. Tại phiên tòa chị N giữa nguyên quan điểm

xin ly hôn. Anh T đã được Tòa án đã triệu tập đến viết bản tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng anh T vắng mặt. anh T có quan điểm mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng do chị N kiên quyết ly hôn thì anh cũng chấp nhận. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử có căn cứ xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần Công T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về nuôi con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Công H, sinh ngày 27-11-2001 và Trần Thu T, sinh ngày 18-12-2005.

Xét thấy, cháu Trần Công H đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được nên không Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Cháu T có nguyện vọng được ở cùng với chị N. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang. Anh T chấp nhận với quan điểm về giao nuôi con chung của chị N nên Hội đồng xét xử cần giao cho chị Nguyễn Quỳnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Trần Thu T là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét việc chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện. Anh T cũng chấp nhận quan điểm của chị N nên có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị N, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này nếu các đương sự không thỏa thuận được thì có thể yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Quỳnh N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần Công T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Quỳnh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thu T, sinh ngày 18-12-2005. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Công T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Quỳnh N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Quỳnh N đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004968 ngày 04 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

4. Chị Nguyễn Quỳnh N, anh Trần Công T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Nguyễn Quỳnh N và anh Trần Công T có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS thành phố Nam Định;
- UBND phường T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Mạnh Hà

